TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – LÂM ĐỒNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 27/2026/QĐST- DS	*Lâm Đồng, ngày 08 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 16/2026/TLST- DS ngày 08 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Đồng nguyên đơn*:

1/ **Công ty cổ phần MBN JUPITER**.

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Central Point, số 219 phố Trung Kính, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hoàng Anh Tuấn** – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Võ Ngọc Dương** – Chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ Miền Nam.

Địa chỉ: 485B Nguyễn Đình Chiểu, phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người được ủy quyền lại: Ông **Lương Thanh Hải** – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Số 37 Phan Bội Châu, phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

2/ **Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank).**

Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí Dũng** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Tấn Đồng** – Chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ khách hàng doanh nghiệp Miền Nam.

Người được ủy quyền lại: Ông **Đỗ Vũ Bảo Châu** – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Số 37 Phan Bội Châu, phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn*: Bà **Bùi Mai Anh**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Thôn Từ Liêm 1, xã Nam Ban Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Bùi Mai Anh có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần MBN JUPITER và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 29/5/2026 là 400.859.976 đồng (Trong đó nợ gốc là 270.388.801 đồng, nợ lãi là 130.471.175 đồng) theo Hợp đồng cho vay số LN2109304399590 ngày 04/10/2021, Hợp đồng cho vay số LD2217901561 ngày 28/6/2022, Hợp đồng cho vay số LD2306700527 ngày 08/3/2023 và tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến khi bà Bùi Mai Anh trả hết nợ cho Công ty cổ phần MBN JUPITER và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Hạn cuối trả nợ là ngày 29/7/2026, cụ thể:

- Bà Bùi Mai Anh có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần MBN JUPITER tổng số tiền 380.816.977 đồng (Trong đó nợ gốc 256.869.361 đồng, nợ lãi là 123.947.616 đồng) và tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến khi bà Bùi Thị Anh trả hết nợ cho Công ty cổ phần MBN JUPITER. Hạn cuối trả nợ là ngày 29/7/2026.

- Bà Bùi Mai Anh có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng tổng số tiền 20.042.999 đồng (Trong đó nợ gốc 13.519.440 đồng, nợ lãi là 6.523.559 đồng) và tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến khi bà Bùi Mai Anh trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Hạn cuối trả nợ là ngày 29/7/2026.

2.2. Kể từ ngày 30/5/2026 trở đi, bà Bùi Mai Anh còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với bà Bùi Mai Anh cho đến khi bà Bùi Mai Anh trả xong nợ.

Trường hợp trong hợp đồng cho vay các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà bà Bùi Mai Anh phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2.3. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số LN2109304399590 ngày 01/10/2021 giữa VPBank – Chi nhánh Đà Lạt với bà Bùi Mai Anh đối với tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu: HYUNDAI; số loại: GRAND I10; biển kiểm soát: 49A-424.84; số khung: RLUB351CBMN000553; số máy: G4LAMM901254 thuộc quyền sở hữu của bà Bùi Mai Anh cho đến khi bà Bùi Mai Anh trả nợ dứt điểm cho Công ty cổ phần MBN JUPITER và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

- Kể từ ngày đến hạn trả nợ, nếu bà Bùi Mai Anh không trả đủ tổng số tiền còn nợ thì Công ty cổ phần MBN JUPITER và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh

Vượng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, bán đấu giá để thu hồi nợ đối với tài sản thế chấp.

- Trong trường hợp số tiền thu hồi được từ tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì bà Bùi Mai Anh còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần MBN JUPITER và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền vay.

2.4. Về án phí: Bà Bùi Mai Anh đồng ý chịu 10.017.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần MBN JUPITER số tiền 7.848.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000496 ngày 08/01/2026 của Phòng thi hành án dân sư khu vực 3 - Lâm Đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền 413.500 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000497 ngày 08/01/2026 của Phòng thi hành án dân sư khu vực 3 - Lâm Đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND khu vực 3 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 3 – Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Phạm Phước Minh Phong

,

Mẫu số 38-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:...../...../QĐST-..... (2)	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	...., ngày..... tháng ..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày…..tháng……năm ….. về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:…/…./TLST-.....(3) ngày…tháng… năm.....

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự

không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:(4)

……

……

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:(5)

……

……

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

Mẫu số 38-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:...../...../QĐST-..... [2]	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	...., ngày..... tháng ..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày…..tháng……năm ….. về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:…/…./TLST-.....[3] ngày…tháng… năm.....

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:[4]

…….....……...….....

…….....…….....

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:[5]

…….....…….....

…….....…….....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Di Linh;
- UBND thị trấn Di Linh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Công Hoàn

Mẫu số 40-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TOÀ ÁN NHÂN DÂN……[1]

Số:……/……/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

…., ngày…… tháng …… năm ……

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số...../...../TLST/HNGĐ ngày.....tháng....năm....., giữa[2]:

.....
.....
.....

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55,..... của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày…..tháng……năm …..

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày…. tháng..... năm ..... là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa [3].....

.....

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:[4] .....

.....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;

Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).